

CHƯƠNG 15

MUA SẮM CHÍNH PHỦ

Điều 15.1: Giải thích từ ngữ

Trong Chương này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Hợp đồng Xây dựng-Vận hành-Chuyển giao (BOT) và hợp đồng nhượng quyền là các thỏa thuận hợp đồng với mục đích chính là xây dựng hoặc cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, nhà xưởng, toà nhà, công trình chức năng hay các công trình khác thuộc sở hữu nhà nước, trong đó, để thực hiện thỏa thuận hợp đồng, cơ quan mua sắm trao cho nhà thầu quyền sở hữu tạm thời hoặc quyền kiểm soát và vận hành công trình trong một thời gian cụ thể cũng như quyền thu phí sử dụng công trình đó trong thời gian thực hiện hợp đồng;

Hàng hoá và dịch vụ thương mại là loại hàng hoá hoặc dịch vụ được bán hoặc chào bán rộng rãi trên thị trường thương mại cho, và thường được mua bởi, tổ chức, cá nhân không thuộc chính phủ và không sử dụng vì mục đích công;

Văn bản là việc diễn đạt bằng từ ngữ hoặc bằng số có thể đọc, sao chép và sau đó có thể truyền đạt được. Văn bản có thể bao gồm cả những thông tin được truyền và lưu trữ dưới dạng điện tử;

Chỉ định thầu là hình thức lựa chọn nhà thầu theo đó cơ quan mua sắm tự lựa chọn một hoặc một số nhà thầu;

Danh sách sử dụng nhiều lần là danh sách nhà thầu được cơ quan mua sắm xác định đáp ứng điều kiện tham gia vào danh sách này và dự định sử dụng nhiều lần;

Thông báo mời thầu là thông báo do cơ quan mua sắm đăng tải mời các nhà thầu quan tâm nộp hồ sơ quan tâm hoặc hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu hoặc cả hai;

Biện pháp ưu đãi trong nước là bất kỳ điều kiện hoặc cam kết nào yêu cầu sử dụng hàm lượng trong nước, nhà thầu trong nước, nhượng quyền công nghệ, chuyển giao công nghệ, đầu tư, thương mại đối lưu hay các hành động tương tự nhằm khuyến khích sự phát triển trong nước hoặc cải thiện cán cân thanh toán của một Nước thành viên;

Đấu thầu rộng rãi là hình thức lựa chọn nhà thầu mà tất cả nhà thầu quan tâm đều có thể nộp hồ sơ dự thầu;

Cơ quan mua sắm là cơ quan được liệt kê trong Phụ lục 15-A;

Đăng tải là việc phổ biến thông tin thông qua báo chí hoặc phương tiện điện tử một cách rộng rãi và công chúng có thể tiếp cận dễ dàng;

Nhà thầu đáp ứng yêu cầu là nhà thầu được cơ quan mua sắm công nhận đáp ứng các điều kiện tham dự thầu;

Đấu thầu hạn chế là hình thức lựa chọn nhà thầu trong đó cơ quan mua sắm chỉ mời các nhà thầu đáp ứng yêu cầu nộp hồ sơ dự thầu;

Dịch vụ bao gồm cả các dịch vụ xây dựng, trừ trường hợp được quy định khác;

Nhà thầu là cá nhân/pháp nhân hoặc một nhóm cá nhân/pháp nhân cung cấp hoặc có thể cung cấp hàng hoá hay dịch vụ cho cơ quan mua sắm; và

Tiêu chuẩn kỹ thuật là các yêu cầu trong hồ sơ mời thầu, trong đó:

- (a) đưa ra tiêu chuẩn về:
 - (i) hàng hoá cần mua sắm, bao gồm chất lượng, chức năng vận hành, độ an toàn và kích thước, hoặc các quy trình và phương pháp sản xuất hàng hóa đó; hoặc
 - (ii) dịch vụ cần mua sắm, hay các quy trình hoặc phương pháp cung cấp dịch vụ đó, bao gồm cả các quy định hành chính có thể áp dụng; hoặc
- (b) đưa ra yêu cầu về thuật ngữ, biểu tượng, đóng gói, ký hiệu hay nhãn hiệu áp dụng đối với hàng hoá hoặc dịch vụ cần mua sắm.

Điều 15.2: Phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh

1. Chương này áp dụng đối với các quy định và việc thực thi liên quan đến gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh.
2. Trong Chương này, gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh là gói thầu mua sắm của chính phủ:
 - (a) đối với hàng hoá, dịch vụ hoặc kết hợp cả hai được quy định cụ thể trong Bản chào của mỗi Nước thành viên tại Phụ lục 15-A;

- (b) dưới bất kỳ hình thức hợp đồng nào, bao gồm mua, thuê hoặc thuê mua có hay không có ý định mua lại, các hợp đồng BOT và hợp đồng nhượng quyền;
- (c) có giá gói thầu, được xác định theo quy định tại Khoản 8 và Khoản 9 Điều này, bằng hoặc cao hơn ngưỡng tương ứng được quy định trong Bản chào của một Nước thành viên thuộc Phụ lục 15-A tại thời điểm đăng tải thông báo mời thầu;
- (d) gói thầu thuộc dự án, dự toán của cơ quan mua sắm; và
- (e) không được loại trừ khỏi phạm vi điều chỉnh của Hiệp định này.

Hoạt động không thuộc phạm vi điều chỉnh

3. Trừ trường hợp được quy định khác trong Bản chào của một Nước thành viên tại Phụ lục 15-A, Chương này không áp dụng đối với:
 - (a) hoạt động mua hay thuê đất, các công trình hiện hữu hoặc bất động sản khác hay các quyền liên quan;
 - (b) các thoả thuận không mang tính hợp đồng hay bất kỳ hình thức hỗ trợ nào mà một Nước thành viên, bao gồm cả cơ quan mua sắm của mình cung cấp, bao gồm các thoả thuận hợp tác, viện trợ không hoàn lại, các khoản vay, cấp vốn qua cổ phiếu, các khoản bảo lãnh, trợ cấp, ưu đãi tài chính và thoả thuận tài trợ;
 - (c) hoạt động mua dịch vụ lưu ký hoặc uỷ thác tài chính; dịch vụ thanh toán nợ và quản lý đối với các tổ chức tín dụng; hoặc các dịch vụ liên quan đến bán, mua lại và phân bổ nợ công, bao gồm các khoản vay và trái phiếu chính phủ, giấy tờ có giá và các chứng khoán khác;
 - (d) các hợp đồng tuyển dụng trong khu vực công;
 - (e) các gói thầu:
 - (i) được thực hiện với mục đích cụ thể là hỗ trợ quốc tế, bao gồm cả viện trợ phát triển;
 - (ii) được tài trợ bởi một tổ chức quốc tế hay các khoản tài trợ, khoản vay hay hỗ trợ khác của nước ngoài hoặc quốc tế có yêu cầu áp dụng các quy trình hoặc điều kiện đấu thầu của tổ chức hay nhà tài trợ quốc tế đó. Trường hợp các quy trình hoặc điều kiện đấu thầu của tổ chức hay nhà tài trợ quốc tế không hạn chế sự tham dự của các nhà thầu, việc mua sắm đó phải tuân thủ theo Khoản 1 Điều 15.4 (Các nguyên tắc chung); hoặc
 - (iii) được thực hiện theo quy trình hay điều kiện cụ thể của một thoả thuận quốc tế liên quan đến việc đóng quân hoặc liên quan đến việc các Nước thành viên cùng triển khai một dự án; và
 - (f) mua sắm hàng hoá hoặc dịch vụ bên ngoài lãnh thổ của Nước thành viên để tiêu dùng bên ngoài lãnh thổ của Nước thành viên đó.

Bản chào mở cửa thị trường

4. Mỗi Nước thành viên có nghĩa vụ quy định rõ các thông tin sau trong Bản chào của mình tại Phụ lục 15-A:
 - (a) trong Phần A, các cơ quan cấp trung ương có gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương này;
 - (b) trong Phần B, các cơ quan cấp địa phương có gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương này;
 - (c) trong Phần C, các cơ quan khác có gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương này;
 - (d) trong Phần D, các hàng hoá thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương này;
 - (e) trong Phần E, các dịch vụ, ngoài dịch vụ xây dựng, thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương này;
 - (f) trong Phần F, các dịch vụ xây dựng thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương này;
 - (g) trong Phần G, các Lưu ý Chung;
 - (h) trong Phần H, Công thức điều chỉnh Ngưỡng được áp dụng;
 - (i) trong Phần I, thông tin cần công bố theo yêu cầu tại Khoản 2 Điều 15.6 (Đăng tải thông tin đấu thầu); và
 - (j) trong Phần J, các biện pháp trong thời kỳ chuyển đổi theo quy định tại Điều 15.5 (Các biện pháp trong thời kỳ chuyển đổi).

Sự tuân thủ

5. Mỗi Nước thành viên có nghĩa vụ đảm bảo các cơ quan mua sắm của mình tuân thủ đúng quy định của Chương này khi tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh.
6. Cơ quan mua sắm không được tạo lập, hình thành, cấu trúc hoặc phân chia một gói thầu thành những gói riêng biệt trong bất kỳ giai đoạn lựa chọn nhà thầu nào, hay sử dụng một phương pháp riêng để xác định giá gói thầu, nhằm tránh áp dụng Chương này.
7. Các quy định của Chương này không ngăn cản một Nước thành viên, bao gồm cả cơ quan mua sắm của mình, xây dựng các chính sách, quy trình hay mẫu hợp đồng mới về đấu thầu với điều kiện là không trái với các quy định của Chương này.

Định giá gói thầu

8. Khi xác định giá gói thầu nhằm xác định gói thầu đó có thuộc phạm vi điều chỉnh hay không, cơ quan mua sắm phải tính toán tổng giá trị ước tính tối đa của gói thầu trong toàn bộ thời gian thực hiện, bao gồm:
 - (a) tất cả loại thù lao, bao gồm phí, lệ phí, hoa hồng, lợi tức hoặc các nguồn thu khác có thể được chi trả theo hợp đồng;
 - (b) giá trị của khối lượng công việc, hàng hoá thuộc tùy chọn mua thêm; và

- (c) các hợp đồng được trao cùng thời điểm hoặc trong một giai đoạn nhất định cho một hoặc nhiều nhà thầu trong cùng một gói thầu.
9. Trường hợp không thể xác định tổng giá trị ước tính tối đa của một gói thầu trong toàn bộ thời gian thực hiện thì gói thầu đó được coi là thuộc phạm vi điều chỉnh, trừ trường hợp được loại trừ theo Hiệp định này.

Điều 15.3: Các loại trừ

1. Với yêu cầu là không áp dụng các quy định theo cách phân biệt đối xử một cách tùy tiện hoặc không có căn cứ giữa các Nước thành viên trong cùng một điều kiện, hoặc gây ra cản trở trá hình đối với thương mại quốc tế giữa các Nước thành viên, Chương này không ngăn cản một Nước thành viên, bao gồm các cơ quan mua sắm của mình, thông qua hay duy trì một quy định:
- (a) cần thiết để bảo vệ đạo đức, trật tự, hay an toàn xã hội;
 - (b) cần thiết để bảo vệ cuộc sống hay sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật;
 - (c) cần thiết để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; hoặc
 - (d) liên quan đến hàng hoá hoặc dịch vụ của người khuyết tật, của các tổ chức nhân đạo hoặc phi lợi nhuận, hay của lao động tù nhân.
2. Các Nước thành viên thống nhất rằng Điểm b, Khoản 1 Điều này bao gồm các quy định cần thiết về môi trường nhằm bảo vệ cuộc sống hay sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật.

Điều 15.4: Các nguyên tắc chung

Đối xử quốc gia và Không phân biệt đối xử

1. Đối với bất kỳ quy định, biện pháp thực thi nào liên quan đến gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh, mỗi Nước thành viên, bao gồm các cơ quan mua sắm của mình, có nghĩa vụ đối xử bình đẳng ngay lập tức và vô điều kiện giữa hàng hoá, dịch vụ và nhà thầu của một Nước thành viên với:
- (a) hàng hoá, dịch vụ và nhà thầu trong nước; và
 - (b) hàng hoá, dịch vụ và nhà thầu của các Nước thành viên khác.
- Để rõ nghĩa hơn, nghĩa vụ này chỉ đề cập tới việc đối xử của một Nước thành viên đối với hàng hoá, dịch vụ hoặc nhà thầu của các Nước thành viên khác trong Hiệp định này.

2. Đối với bất kỳ quy định, biện pháp thực thi nào liên quan đến gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh, một Nước thành viên, bao gồm cả các cơ quan mua sắm của mình, không được:
 - (a) đối xử với một nhà thầu trong nước kém thuận lợi hơn một nhà thầu trong nước khác do mức độ phụ thuộc về tổ chức với tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc do mức độ sở hữu của nước ngoài; hoặc
 - (b) phân biệt đối xử với một nhà thầu trong nước do hàng hoá hoặc dịch vụ mà nhà thầu đó cung cấp cho một gói thầu cụ thể là hàng hoá hoặc dịch vụ của các Nước thành viên khác.
3. Tất cả đơn hàng theo hợp đồng cho gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh đều phải tuân thủ Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Hình thức lựa chọn nhà thầu

4. Cơ quan mua sắm có nghĩa vụ áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh, trừ những trường hợp được quy định tại Điều 15.9 (Lựa chọn danh sách ngắn) hoặc Điều 15.10 (Chỉ định thầu).

Quy tắc xuất xứ

5. Mỗi Nước thành viên có nghĩa vụ áp dụng các quy tắc xuất xứ đối với hàng hoá trong gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh giống như quy tắc xuất xứ mà Nước thành viên đó áp dụng với hàng hoá cùng loại trong hoạt động thương mại thông thường.

Biện pháp ưu đãi trong nước

6. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh, một Nước thành viên, bao gồm các cơ quan mua sắm của mình, không được yêu cầu, xem xét, áp dụng hoặc thực hiện bất kỳ biện pháp ưu đãi trong nước nào ở bất kỳ giai đoạn nào trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

Các quy định không áp dụng đấu thầu

7. Khoản 1 và Khoản 2 Điều này không áp dụng đối với các loại thuế và phí hải quan áp vào hoặc liên quan đến hoạt động nhập khẩu, phương pháp tính các loại thuế và phí đó, các quy định hoặc thủ tục nhập khẩu khác, cũng như các quy định ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ ngoài các quy định áp dụng với những gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh.

Sử dụng phương tiện điện tử

8. Các Nước thành viên có nghĩa vụ tạo điều kiện để tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh thông qua phương tiện điện tử, bao gồm việc công bố thông tin gói thầu, đăng tải các thông báo và hồ sơ mời thầu cũng như việc tiếp nhận hồ sơ dự thầu.

9. Khi tổ chức lựa chọn nhà thầu một gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh qua phương tiện điện tử, cơ quan mua sắm có nghĩa vụ:
 - (a) đảm bảo sử dụng hệ thống và phần mềm công nghệ thông tin, bao gồm các hệ thống và phần mềm liên quan đến việc xác thực và mã hoá thông tin mà các hệ thống và phần mềm này thông dụng, tương thích với những hệ thống và phần mềm công nghệ thông tin thông dụng khác; và
 - (b) thiết lập và duy trì cơ chế đảm bảo tính toàn vẹn của thông tin do nhà thầu cung cấp, bao gồm cả hồ sơ quan tâm hoặc hồ sơ dự sơ tuyển và hồ sơ dự thầu.

Điều 15.5: Các biện pháp trong thời kỳ chuyển đổi

1. Với sự đồng thuận của các Nước thành viên khác, một Nước thành viên là quốc gia đang phát triển (Nước đang phát triển) có thể thông qua hoặc duy trì một hoặc một số biện pháp dưới đây trong thời gian chuyển đổi được nêu tại Phần J trong Bản chào của Nước thành viên tại Phụ lục 15-A:
 - (a) cơ chế ưu đãi về giá, với điều kiện là cơ chế đó:
 - (i) chỉ ưu đãi cho phần hàng hoá hoặc dịch vụ trong hồ sơ dự thầu có xuất xứ từ Nước đang phát triển đó; và
 - (ii) minh bạch; nội dung ưu đãi cũng như cách áp dụng ưu đãi trong quá trình lựa chọn nhà thầu được mô tả rõ ràng trong thông báo mời thầu;
 - (b) biện pháp ưu đãi trong nước, với điều kiện việc áp dụng hoặc cân nhắc áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước đó được nêu rõ trong thông báo mời thầu.
 - (c) lộ trình mở cửa của các cơ quan hoặc lĩnh vực cụ thể; và
 - (d) ngưỡng giá gói thầu chịu sự điều chỉnh của Hiệp định cao hơn ngưỡng chung.Việc áp dụng biện pháp trong thời kỳ chuyển đổi không được dẫn đến sự phân biệt đối xử giữa các Nước thành viên còn lại.
2. Trong giai đoạn thực thi cam kết, các Nước thành viên có thể đồng ý cho Nước đang phát triển trì hoãn thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của Chương này ngoại trừ Điểm b Khoản 1 Điều 15.4 (Các nguyên tắc chung). Thời gian trì hoãn chỉ bao gồm thời gian cần thiết để chuẩn bị cho việc thực hiện nghĩa vụ đó.
3. Nước đang phát triển đã đàm phán thời gian trì hoãn thực hiện nghĩa vụ theo Khoản 2 Điều này có trách nhiệm liệt kê trong Bản chào tại Phụ lục 15-A thời gian trì hoãn đã được thống nhất, nghĩa vụ cụ thể trong thời gian trì hoãn và các nghĩa vụ tạm thời mà Nước đang phát triển đó đồng ý tuân thủ trong thời gian trì hoãn.

4. Sau khi Hiệp định này có hiệu lực đối với một Nước đang phát triển, theo yêu cầu của Nước đang phát triển đó, các Nước thành viên còn lại có thể:
 - (a) gia hạn thời gian chuyển đổi quy định tại Khoản 1 Điều này hoặc thời gian trì hoãn thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều này; hoặc
 - (b) thông qua một biện pháp trong thời kỳ chuyển đổi mới theo quy định tại Khoản 1 Điều này trong những trường hợp đặc biệt không lường trước được.
5. Nước đang phát triển đã đàm phán về biện pháp trong thời kỳ chuyển đổi theo Khoản 1 hoặc Khoản 4, về thời gian trì hoãn theo Khoản 2 hay thời gian gia hạn theo Khoản 4 Điều này, có nghĩa vụ thực hiện các công việc cần thiết trong thời gian chuyển đổi hoặc thời gian trì hoãn nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của Chương này vào cuối thời gian chuyển đổi hoặc trì hoãn. Nước đang phát triển đó có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho các Nước thành viên khác về từng công việc theo quy định tại Điều 27.7 (Báo cáo về quá trình thực hiện biện pháp trong thời kỳ chuyển đổi).
6. Mỗi Nước thành viên có trách nhiệm xem xét bất kỳ yêu cầu nào của một Nước đang phát triển về hỗ trợ kỹ thuật và tăng cường năng lực liên quan tới việc thực thi Chương này.

Điều 15.6: Đăng tải thông tin đấu thầu

1. Mỗi Nước thành viên có nghĩa vụ kịp thời đăng tải các quy định liên quan đến gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh cũng như bất kỳ thay đổi hay bổ sung nào đối với các quy định đó.
2. Mỗi Nước thành viên có nghĩa vụ liệt kê trong Phần I Bản chào của mình tại Phụ lục 15-A tên tờ báo hay phương tiện điện tử mà Nước thành viên đó sử dụng để đăng tải thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này và các thông báo theo quy định tại Điều 15.7 (Thông báo mời thầu), Khoản 3 Điều 15.9 (Lựa chọn danh sách ngắn) và Khoản 3 Điều 15.16 (Thông tin sau khi trao hợp đồng).
3. Theo yêu cầu của các Nước thành viên khác, mỗi Nước thành viên có nghĩa vụ phản hồi các yêu cầu liên quan đến thông tin được nêu tại Khoản 1 Điều này.

Điều 15.7: Thông báo mời thầu

1. Đối với mỗi gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh, trừ những trường hợp theo quy định tại Điều 15.10 (Chỉ định thầu), cơ quan mua sắm có nghĩa vụ đăng tải thông báo mời thầu thông qua

báo chí hoặc phương tiện điện tử phù hợp được liệt kê tại Phụ lục 15-A. Thông báo mời thầu phải được tiếp cận dễ dàng ít nhất cho đến khi kết thúc thời hạn để nhà thầu phản hồi thông báo hoặc thời điểm đóng thầu.

2. Trường hợp đăng tải trên phương tiện điện tử, thông báo mời thầu phải được cung cấp miễn phí:
 - (a) qua một điểm truy cập duy nhất trong trường hợp cơ quan mua sắm là cơ quan cấp trung ương thuộc phạm vi điều chỉnh tại Phụ lục 15-A; và
 - (b) thông qua các đường dẫn trên một cổng thông tin điện tử duy nhất trong trường hợp cơ quan mua sắm là cơ quan cấp địa phương hoặc cơ quan khác thuộc phạm vi điều chỉnh tại Phụ lục 15-A.

3. Trừ trường hợp được quy định khác trong Chương này, thông báo mời thầu phải bao gồm các thông tin sau, nếu những thông tin đó chưa có trong hồ sơ mời thầu được cung cấp miễn phí cho tất cả nhà thầu quan tâm cùng thời điểm với việc đăng tải thông báo mời thầu:
 - (a) tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của cơ quan mua sắm để liên hệ và mua, nhận các tài liệu liên quan đến gói thầu, chi phí và cách thức thanh toán để có được những tài liệu đó, nếu có;
 - (b) mô tả về gói thầu, bao gồm, nếu phù hợp, tính chất và số lượng hàng hoá hoặc dịch vụ cần mua sắm cũng như khối lượng công việc, hàng hoá thuộc tùy chọn mua thêm, trường hợp chưa có số lượng cụ thể thì nêu số lượng tạm tính;
 - (c) tiến độ cung cấp hàng hoá hoặc dịch vụ hay thời gian thực hiện hợp đồng;
 - (d) địa chỉ và thời hạn nộp hồ sơ quan tâm hoặc hồ sơ dự sơ tuyển;
 - (e) địa chỉ và thời điểm đóng thầu;
 - (f) ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ quan tâm hay hồ sơ dự sơ tuyển trong trường hợp không sử dụng ngôn ngữ chính thức của Nước thành viên có cơ quan mua sắm;
 - (g) danh mục điều kiện tham dự thầu của nhà thầu và mô tả tóm tắt các điều kiện đó, có thể bao gồm yêu cầu về các tài liệu hay chứng nhận cần thiết mà nhà thầu phải cung cấp;
 - (h) nếu cơ quan mua sắm có ý định lựa chọn số lượng hạn chế các nhà thầu đáp ứng yêu cầu để tham dự thầu theo quy định tại Điều 15.9 (Lựa chọn danh sách ngắn) thì phải nêu rõ các tiêu chí lựa chọn nhà thầu và số lượng nhà thầu trong danh sách ngắn được phép nộp hồ sơ dự thầu; và
 - (i) thông tin nêu rõ việc gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương này, trừ trường hợp thông tin đó đã được công bố rộng rãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 15.6 (Đăng tải thông tin đấu thầu).

4. Để rõ nghĩa hơn, Khoản 3 Điều này không ngăn cản một Nước thành viên bán hồ sơ mời thầu nếu thông báo mời thầu đã bao gồm tất cả thông tin được quy định tại Khoản 3 Điều này.
5. Chương này khuyến khích các Nước thành viên sử dụng tiếng Anh khi đăng tải thông báo mời thầu.

Thông báo kế hoạch lựa chọn nhà thầu

6. Chương này khuyến khích các cơ quan mua sắm, trong mỗi năm tài chính, công bố thông báo về kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu trong tương lai (Thông báo kế hoạch lựa chọn nhà thầu) càng sớm càng tốt. Thông báo này có thể bao gồm thông tin chính về hàng hóa hoặc dịch vụ cần mua sắm và ngày dự kiến đăng tải thông báo mời thầu.

Điều 15.8: Điều kiện tham dự thầu

1. Cơ quan mua sắm có trách nhiệm đưa ra các điều kiện tham dự thầu cho gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh ở mức độ cần thiết nhằm đảm bảo nhà thầu có đủ năng lực pháp lý và tài chính cũng như năng lực kỹ thuật và thương mại đáp ứng các yêu cầu của gói thầu đó.
2. Khi đưa ra các điều kiện tham dự thầu, cơ quan mua sắm:
 - (a) không được áp đặt điều kiện để được tham dự một gói thầu, trước đó nhà thầu đã từng ký kết thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng với cơ quan mua sắm của một Nước thành viên cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trong lãnh thổ của Nước thành viên đó; và
 - (b) trong trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu kinh nghiệm liên quan để đáp ứng yêu cầu của gói thầu.
3. Trong quá trình đánh giá việc nhà thầu có đáp ứng điều kiện tham dự thầu hay không, cơ quan mua sắm có nghĩa vụ:
 - (a) đánh giá năng lực tài chính, năng lực kỹ thuật và thương mại của nhà thầu trên cơ sở hoạt động kinh doanh của nhà thầu đó cả trong và ngoài lãnh thổ của Nước thành viên có cơ quan mua sắm; và
 - (b) chỉ đánh giá dựa trên các tiêu chí mà cơ quan mua sắm đã nêu trong các thông báo hoặc hồ sơ mời thầu.
4. Trường hợp có bằng chứng, một Nước thành viên, bao gồm cả các cơ quan mua sắm của mình, có thể loại nhà thầu vì những lý do sau đây:
 - (a) phá sản hoặc không có khả năng thanh toán;

- (b) kê khai không trung thực;
- (c) vi phạm nghiêm trọng hoặc thường xuyên các nghĩa vụ quan trọng trong một hoặc nhiều hợp đồng trước đó; hoặc
- (d) không hoàn thành nghĩa vụ thuế.

Điều 15.9: Lựa chọn danh sách ngắn

Hệ thống đăng ký và quy trình đánh giá năng lực

1. Một Nước thành viên, bao gồm cả các cơ quan mua sắm của mình, có thể duy trì một hệ thống đăng ký nhà thầu theo đó các nhà thầu quan tâm phải đăng ký và cung cấp một số thông tin nhất định.
2. Một Nước thành viên, bao gồm cả các cơ quan mua sắm của mình, không được:
 - (a) thông qua hay áp dụng bất kỳ hệ thống đăng ký hay quy trình đánh giá năng lực nào với mục đích hoặc có hậu quả là tạo ra các rào cản không cần thiết cho sự tham gia của các nhà thầu của một Nước thành viên khác vào gói thầu của mình; hoặc
 - (b) sử dụng hệ thống đăng ký hoặc quy trình đánh giá năng lực nêu trên nhằm cản trở hoặc trì hoãn việc đưa tên các nhà thầu của Nước thành viên khác vào danh sách nhà thầu hoặc ngăn cản việc xem xét để nhà thầu tham gia một gói thầu cụ thể.

Đấu thầu hạn chế

3. Nếu quy định của một Nước thành viên cho phép áp dụng đấu thầu hạn chế và cơ quan mua sắm có ý định áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu này thì cơ quan mua sắm đó có nghĩa vụ:
 - (a) đăng tải thông báo mời các nhà thầu nộp hồ sơ quan tâm hoặc hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh; và
 - (b) cung cấp các thông tin được quy định tại Điểm (a), (b), (d), (g), (h), và (i) Khoản 3 Điều 15.7 (Thông báo mời thầu) trong thông báo mời nộp hồ sơ quan tâm hoặc mời sơ tuyển.
4. Cơ quan mua sắm có nghĩa vụ:
 - (a) đăng tải thông báo trong một khoảng thời gian đủ để nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ quan tâm hoặc hồ sơ dự sơ tuyển;
 - (b) khi gửi thư mời thầu, cung cấp các thông tin theo quy định tại Điểm (c), (e) và (f) Khoản 3 Điều 15.7 (Thông báo mời thầu) cho các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn theo quy định tại Điểm (b) Khoản 3 Điều 15.14 (Thời gian trong đấu thầu);
 - (c) cho phép tất cả nhà thầu có tên trong danh sách ngắn nộp hồ sơ dự thầu, trừ trường hợp trước đó cơ quan mua sắm nêu rõ trong thông báo mời nộp hồ sơ quan tâm hoặc mời sơ

tuyên về việc hạn chế số lượng nhà thầu được phép tham dự thầu và tiêu chí hoặc tiêu chuẩn đánh giá để lựa chọn số lượng nhà thầu đó.

5. Nếu hồ sơ mời thầu không được phát hành rộng rãi kể từ ngày đăng tải thông báo theo quy định tại Khoản 3 Điều này, cơ quan mua sắm có nghĩa vụ đảm bảo hồ sơ mời thầu sẽ được phát hành đồng thời tới tất cả nhà thầu trong danh sách ngắn theo quy định tại Điểm (c) Khoản 4 Điều này.

Danh sách nhà thầu được sử dụng nhiều lần

6. Một Nước thành viên, bao gồm cả các cơ quan mua sắm của mình, có thể xây dựng hoặc duy trì danh sách nhà thầu được sử dụng nhiều lần (danh sách sử dụng nhiều lần) với điều kiện hàng năm Nước thành viên đó đăng tải thông báo mời các nhà thầu quan tâm tham gia danh sách này hoặc duy trì việc đăng tải thông báo đó trên các phương tiện điện tử. Nội dung của thông báo bao gồm:
 - (a) mô tả về hàng hoá và dịch vụ, hoặc các chủng loại hàng hóa và dịch vụ cần mua sắm mà cơ quan mua sắm có thể áp dụng danh sách sử dụng nhiều lần để lựa chọn nhà thầu;
 - (b) các điều kiện tham gia danh sách sử dụng nhiều lần mà nhà thầu cần đáp ứng và các tiêu chí để cơ quan mua sắm hoặc cơ quan nhà nước khác sử dụng để xác minh khả năng đáp ứng các điều kiện đó của nhà thầu;
 - (c) tên và địa chỉ của cơ quan mua sắm hoặc cơ quan nhà nước khác cũng như các thông tin cần thiết khác để liên lạc và mua, nhận tài liệu liên quan đến danh sách này;
 - (d) thời gian có hiệu lực của danh sách sử dụng nhiều lần và cách thức gia hạn hoặc chấm dứt hiệu lực; trường hợp không nêu rõ thời gian có hiệu lực của danh sách, phải đưa ra cách thức thông báo việc ngừng sử dụng danh sách này;
 - (e) thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia danh sách sử dụng nhiều lần, nếu áp dụng; và
 - (f) thông tin về việc danh sách sử dụng nhiều lần có thể được dùng trong các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương này, trừ trường hợp thông tin đó đã được đăng tải cùng với thông tin nêu tại Khoản 2 Điều 15.6 (Đăng tải thông tin đấu thầu).
7. Một Nước thành viên, bao gồm cả các cơ quan mua sắm của mình, đã xây dựng hoặc duy trì danh sách sử dụng nhiều lần, có nghĩa vụ đưa vào danh sách này tất cả nhà thầu đáp ứng điều kiện tham gia nêu trong thông báo tại Khoản 6 Điều này trong một khoảng thời gian hợp lý.
8. Trường hợp nhà thầu không có tên trong danh sách sử dụng nhiều lần nộp hồ sơ quan tâm hoặc hồ sơ dự thầu đối với gói thầu áp dụng danh sách sử dụng nhiều lần và cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu, trong khoảng thời gian theo quy định tại Khoản 2 Điều 15.14 (Thời gian trong đấu thầu), cơ quan mua sắm có trách nhiệm xem xét hồ sơ quan tâm hoặc hồ sơ dự thầu

tuyển đó. Cơ quan mua sắm không được loại nhà thầu trừ trường hợp không thể hoàn thành việc xem xét trong thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu.

Thông báo về quyết định của cơ quan mua sắm

9. Cơ quan mua sắm hoặc cơ quan khác của một Nước thành viên có nghĩa vụ thông báo kịp thời đến các nhà thầu đã nộp hồ sơ quan tâm hoặc hồ sơ dự sơ tuyển hoặc đã đăng ký tham gia danh sách sử dụng nhiều lần về quyết định liên quan đến việc tham dự thầu hoặc tham gia danh sách sử dụng nhiều lần.
10. Trường hợp cơ quan mua sắm hoặc cơ quan khác của một Nước thành viên từ chối hồ sơ quan tâm hoặc hồ sơ dự sơ tuyển hay hồ sơ đăng ký tham gia vào danh sách sử dụng nhiều lần của nhà thầu, không còn công nhận nhà thầu là nhà thầu đáp ứng yêu cầu, hoặc loại nhà thầu ra khỏi danh sách sử dụng nhiều lần, cơ quan đó có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho nhà thầu và, nếu nhà thầu yêu cầu, giải thích kịp thời bằng văn bản cho nhà thầu lý do cho các quyết định của mình .

Điều 15.10: Chỉ định thầu

1. Cơ quan mua sắm có thể áp dụng hình thức chỉ định thầu với điều kiện là việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu này không nhằm mục đích hạn chế sự cạnh tranh giữa các nhà thầu, bảo hộ nhà thầu trong nước hoặc phân biệt đối xử đối với nhà thầu của các Nước thành viên khác.
2. Trường hợp áp dụng hình thức chỉ định thầu, căn cứ tính chất của gói thầu, cơ quan mua sắm không bắt buộc phải áp dụng các điều từ Điều 15.7 (Thông báo mời thầu) đến Điều 15.9 (Lựa chọn danh sách ngắn), và từ Điều 15.11 (Đàm phán) đến Điều 15.15 (Xử lý hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng) của Chương này. Cơ quan mua sắm chỉ có thể áp dụng hình thức chỉ định thầu trong những trường hợp sau đây:
 - (a) trường hợp đã đăng tải thông báo mời thầu, thông báo mời quan tâm hoặc thông báo mời sơ tuyển nhưng:
 - (i) không có nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ quan tâm hay hồ sơ dự sơ tuyển;
 - (ii) không có hồ sơ dự thầu đáp ứng các yêu cầu cơ bản đã nêu trong hồ sơ mời thầu;
 - (iii) không có nhà thầu đáp ứng các điều kiện tham dự thầu; hoặc
 - (iv) có sự thông đồng giữa các nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, với điều kiện cơ quan mua sắm không thay đổi đáng kể những yêu cầu cơ bản đã nêu trong các thông báo hoặc hồ sơ mời thầu;

- (b) trường hợp hàng hoá hay dịch vụ chỉ có thể được cung cấp từ một nhà thầu và không có hàng hoá hay dịch vụ thay thế hợp lý bởi một trong những lý do sau đây:
 - (i) yêu cầu đối với một tác phẩm nghệ thuật;
 - (ii) bảo hộ bằng sáng chế, bản quyền hay các quyền độc quyền khác; hoặc
 - (iii) không có sự cạnh tranh vì lý do kỹ thuật;
- (c) trường hợp cung cấp bổ sung hàng hoá hay dịch vụ bởi nhà thầu đã trúng thầu hoặc các đại lý được ủy quyền của nhà thầu đó mà hàng hoá hay dịch vụ bổ sung không nằm trong phạm vi của gói thầu ban đầu song việc thay đổi nhà thầu:
 - (i) không thể thực hiện được vì các lí do kỹ thuật như yêu cầu về tính đồng bộ, tương thích với các thiết bị, phần mềm, dịch vụ sẵn có hoặc yêu cầu về dịch vụ lắp đặt đã mua trong gói thầu trước, hay do các điều kiện bảo hành của nhà thầu ban đầu; và
 - (ii) gây ra những bất tiện đáng kể hoặc làm tăng gấp đôi chi phí cho cơ quan mua sắm;
- (d) hàng hoá được mua trên thị trường hoặc sàn giao dịch hàng hoá;
- (e) trường hợp cơ quan mua sắm mua một nguyên mẫu hoặc một hàng hoá hay dịch vụ đầu tiên dự kiến để thử nghiệm một cách giới hạn hoặc được sản xuất theo yêu cầu của cơ quan mua sắm theo một hợp đồng cụ thể để nghiên cứu, thử nghiệm hay phát triển nguyên bản. Sản xuất một nguyên mẫu hoặc một hàng hoá hay dịch vụ đầu tiên có thể bao gồm cả việc sản xuất hoặc cung ứng hạn chế để kết hợp kết quả thử nghiệm và để chứng minh rằng nguyên mẫu hoặc hàng hoá hay dịch vụ đầu tiên đó phù hợp để sản xuất hoặc cung cấp với số lượng lớn theo các tiêu chuẩn chất lượng có thể chấp nhận được. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất hoặc cung cấp nêu trên không bao gồm việc sản xuất hay cung cấp nhằm mục đích thương mại hoặc bù đắp các chi phí nghiên cứu và phát triển. Các gói thầu tiếp theo mua sắm những hàng hoá hay dịch vụ mới sản xuất này sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương này;
- (f) trường hợp có khối lượng công việc xây lắp phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu nhưng nằm trong mục tiêu của hồ sơ mời thầu, do các tình huống không lường trước được, cần thiết phải được thực hiện để hoàn thành gói thầu xây lắp theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Tuy nhiên, tổng giá trị phần khối lượng xây lắp phát sinh không được vượt quá 50% giá trị hợp đồng ban đầu;
- (g) những gói thầu được thực hiện trong các điều kiện đặc biệt thuận lợi chỉ xuất hiện trong thời gian rất ngắn, như từ các hoạt động thanh lý không theo định kỳ, bán tổng bán tháo, phá sản hay tiếp quản bất thường, nhưng không áp dụng cho việc mua sắm thường xuyên từ các nhà thầu quen thuộc;
- (h) trường hợp hợp đồng được trao cho bên thắng cuộc trong một cuộc thi thiết kế, với điều kiện là:
 - (i) cuộc thi đó được tổ chức theo cách thức phù hợp với quy định của Chương này; và

- (ii) cuộc thi đó được đánh giá bởi một ban giám khảo độc lập với mục đích trao hợp đồng thiết kế cho bên thắng cuộc;
 - (i) trong trường hợp tối cấp thiết do tình trạng khẩn cấp bởi những sự kiện xảy ra không lường trước được, cơ quan mua sắm không thể kịp thời mua được hàng hoá hoặc dịch vụ nếu áp dụng đấu thầu rộng rãi hay đấu thầu hạn chế.
3. Đối với mỗi hợp đồng được trao theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cơ quan mua sắm phải có báo cáo bằng văn bản hoặc lưu trữ hồ sơ trong đó nêu rõ tên cơ quan mua sắm, giá trị và chủng loại hàng hoá hay dịch vụ đã mua sắm, cũng như giải trình lý do áp dụng chỉ định thầu theo các điều kiện và trường hợp nêu tại Khoản 2 Điều này.

Điều 15.11: Đàm phán

1. Một Nước thành viên có thể cho phép các cơ quan mua sắm của mình áp dụng phương thức đàm phán đối với một gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh nếu:
 - (a) cơ quan mua sắm nêu rõ ý định áp dụng phương thức đàm phán trong thông báo mời thầu theo quy định tại Điều 15.7 (Thông báo mời thầu); hoặc
 - (b) quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu cho thấy không có hồ sơ nào có ưu thế vượt trội căn cứ các tiêu chuẩn đánh giá cụ thể đã nêu trong thông báo mời thầu hoặc hồ sơ mời thầu.
2. Cơ quan mua sắm có nghĩa vụ:
 - (a) đảm bảo việc loại nhà thầu không được tham gia đàm phán thực hiện theo các tiêu chuẩn đánh giá đã nêu trong thông báo mời thầu hoặc hồ sơ mời thầu; và
 - (b) khi kết thúc quá trình đàm phán, quy định một thời điểm đóng thầu chung cho những nhà thầu còn lại nộp hồ sơ dự thầu mới hoặc hồ sơ dự thầu sửa đổi.

Điều 15.12: Tiêu chuẩn kỹ thuật

1. Cơ quan mua sắm không được xây dựng, thông qua hay áp dụng bất kỳ tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc đưa ra quy trình đánh giá sự đáp ứng nào với mục đích hoặc có hậu quả là tạo ra rào cản thương mại không cần thiết giữa các Nước thành viên.
2. Khi quy định tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hàng hoá hay dịch vụ cần mua sắm, nếu thích hợp, cơ quan mua sắm có nghĩa vụ:
 - (a) đưa ra các tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu vận hành và chức năng hơn là theo thiết kế hay các đặc điểm mô tả; và

- (b) dựa trên tiêu chuẩn quốc tế, nếu có; trường hợp không có tiêu chuẩn quốc tế thì dựa trên quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia hoặc các tiêu chuẩn trong lĩnh vực xây dựng.
3. Cơ quan mua sắm không được đưa ra tiêu chuẩn kỹ thuật mà yêu cầu hay dẫn chiếu đến một thương hiệu hay tên thương mại, bằng sáng chế, bản quyền, thiết kế, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp cụ thể, trừ trường hợp không còn cách nào khác để mô tả chính xác hoặc để hiểu những yêu cầu của gói thầu. Trong những trường hợp đó, cơ quan mua sắm phải viết thêm cụm từ như “hoặc tương đương” trong hồ sơ mời thầu.
 4. Khi xây dựng hay thông qua các tiêu chuẩn kỹ thuật cho một gói thầu cụ thể, cơ quan mua sắm không được sử dụng hay chấp nhận ý kiến tư vấn của cá nhân/tổ chức có thể có lợi ích thương mại trong gói thầu đó theo cách có thể ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của gói thầu.
 5. Để rõ nghĩa hơn, cơ quan mua sắm có thể tiến hành nghiên cứu thị trường để xây dựng các tiêu chuẩn cho một gói thầu cụ thể.
 6. Để rõ nghĩa hơn, Điều này không ngăn cản cơ quan mua sắm xây dựng, thông qua hay áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật để thúc đẩy việc bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên hay bảo vệ môi trường.
 7. Để rõ nghĩa hơn, Chương này không ngăn cản một Nước thành viên hay các cơ quan mua sắm của mình xây dựng, thông qua hoặc áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật cần thiết nhằm bảo vệ các thông tin nhạy cảm của chính phủ, bao gồm cả những tiêu chuẩn có thể ảnh hưởng hoặc hạn chế việc lưu trữ, đặt máy chủ hay xử lý các thông tin nêu trên bên ngoài lãnh thổ của Nước thành viên.

Điều 15.13: Hồ sơ mời thầu

1. Cơ quan mua sắm có nghĩa vụ kịp thời phát hành hay cung cấp theo yêu cầu hồ sơ mời thầu cho nhà thầu quan tâm, trong đó bao gồm tất cả thông tin cần thiết để nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ dự thầu. Hồ sơ mời thầu phải bao gồm đầy đủ các thông tin sau, trừ trường hợp những thông tin này đã được nêu trong thông báo mời thầu:
 - (a) thông tin về gói thầu, bao gồm tính chất, phạm vi và số lượng cụ thể hàng hoá hoặc dịch vụ cần mua sắm hoặc số lượng tạm tính nếu chưa có số lượng chính xác, cũng như những yêu cầu mà nhà thầu cần đáp ứng, bao gồm các tiêu chuẩn kỹ thuật, giấy phép/giấy chứng nhận, sơ đồ, bản vẽ hay các tài liệu hướng dẫn;

- (b) các điều kiện tham dự thầu, bao gồm cả bảo đảm dự thầu, thông tin và tài liệu mà nhà thầu cần cung cấp;
 - (c) các tiêu chuẩn đánh giá được sử dụng trong quá trình đánh giá nhà thầu và mức độ quan trọng tương ứng của các tiêu chuẩn đó;
 - (d) ngày, giờ và địa điểm mở thầu trong trường hợp mở thầu công khai;
 - (e) các điều khoản hay điều kiện khác liên quan đến việc đánh giá hồ sơ dự thầu; và
 - (f) thời gian giao hàng hoặc cung cấp dịch vụ.
2. Khi xác định thời gian giao hàng hay cung cấp dịch vụ trong một gói thầu, cơ quan mua sắm phải xem xét các yếu tố như tính chất phức tạp của gói thầu đó.
 3. Cơ quan mua sắm có nghĩa vụ trả lời kịp thời những yêu cầu hợp lý về các thông tin liên quan từ nhà thầu quan tâm hoặc nhà thầu tham dự thầu với điều kiện những thông tin này không mang lại ưu thế cho nhà thầu đó so với các nhà thầu khác.

Sửa đổi

4. Trước khi trao hợp đồng, nếu cơ quan mua sắm điều chỉnh các tiêu chuẩn đánh giá hay yêu cầu đã nêu trong thông báo mời thầu hoặc hồ sơ mời thầu đã cung cấp cho các nhà thầu tham dự, hoặc sửa đổi hay đăng tải lại, phát hành lại thông báo mời thầu hoặc hồ sơ mời thầu, cơ quan mua sắm có nghĩa vụ công bố hoặc cung cấp những nội dung sửa đổi, hoặc thông báo mời thầu, hồ sơ mời thầu đã sửa đổi, đăng tải lại, phát hành lại:
 - (a) cho tất cả nhà thầu tham dự thầu tại thời điểm tiến hành điều chỉnh, sửa đổi, đăng tải lại hay phát hành lại nếu xác định được những nhà thầu này; và trong các trường hợp khác, áp dụng cách thức đăng tải hay phát hành như đối với thông báo mời thầu, hồ sơ mời thầu ban đầu; và
 - (b) trong một khoảng thời gian đủ để những nhà thầu nêu trên, nếu thấy cần thiết, sửa đổi và nộp lại hồ sơ dự thầu.

Điều 15.14: Thời gian trong đấu thầu

Quy định chung

1. Tùy theo nhu cầu thực tế, cơ quan mua sắm quy định một khoảng thời gian đủ để nhà thầu nhận được hồ sơ mời thầu, chuẩn bị và nộp hồ sơ quan tâm hoặc hồ sơ dự sơ tuyển và hồ sơ dự thầu, trong đó có lưu ý đến các yếu tố như:
 - (a) tính chất và mức độ phức tạp của gói thầu; và
 - (b) thời gian cần thiết để chuyển hồ sơ dự thầu từ nước ngoài cũng như các địa điểm trong nước nếu không áp dụng đấu thầu qua mạng.

Thời hạn

2. Trường hợp áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế, cơ quan mua sắm có nghĩa vụ quy định thời gian chuẩn bị hồ sơ quan tâm hoặc hồ sơ dự sơ tuyển, về nguyên tắc, tối thiểu là 25 ngày kể từ ngày đăng tải thông báo mời nộp hồ sơ quan tâm hoặc thông báo mời sơ tuyển. Trong trường hợp khẩn cấp mà cơ quan mua sắm chứng minh được rằng khoảng thời gian trên là không khả thi thì thời gian chuẩn bị hồ sơ quan tâm hoặc hồ sơ dự sơ tuyển có thể giảm xuống còn tối thiểu 10 ngày.
3. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều này, cơ quan mua sắm có nghĩa vụ quy định thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 40 ngày kể từ ngày:
 - (a) đăng tải thông báo mời thầu trong trường hợp đấu thầu rộng rãi; hoặc
 - (b) cơ quan mua sắm thông báo cho các nhà thầu về việc nộp hồ sơ dự thầu trong trường hợp đấu thầu hạn chế, dù gói thầu có áp dụng danh sách sử dụng nhiều lần hay không.
4. Cơ quan mua sắm có thể giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu theo quy định tại Khoản 3 Điều này 5 ngày đối với mỗi trường hợp sau đây:
 - (a) thông báo mời thầu được đăng tải trên phương tiện điện tử;
 - (b) hồ sơ mời thầu được cung cấp trên phương tiện điện tử kể từ ngày đăng tải thông báo mời thầu; và
 - (c) cơ quan mua sắm chấp nhận việc nộp hồ sơ dự thầu qua phương tiện điện tử.
5. Cơ quan mua sắm có thể giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu theo quy định tại Khoản 3 Điều này xuống còn tối thiểu 10 ngày nếu:
 - (a) cơ quan mua sắm đã đăng tải thông báo kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 15.7 (Thông báo mời thầu) tối thiểu 40 ngày và tối đa 12 tháng trước ngày đăng tải thông báo mời thầu; thông báo kế hoạch lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung sau:
 - (i) mô tả về gói thầu;
 - (ii) thời điểm đóng thầu dự kiến;
 - (iii) địa chỉ để mua, nhận tài liệu liên quan đến gói thầu; và
 - (iv) tối đa các thông tin theo quy định trong thông báo mời thầu, khi các thông tin này có sẵn;
 - (b) trong trường hợp khẩn cấp mà cơ quan mua sắm chứng minh được rằng thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu theo quy định tại Khoản 3 Điều này là không khả thi; hoặc
 - (c) gói thầu là gói thầu mua sắm hàng hoá hoặc dịch vụ thương mại.

6. Việc áp dụng đồng thời Khoản 4 và Khoản 5 Điều này không được làm giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu theo quy định tại Khoản 3 Điều này xuống còn dưới 10 ngày.
7. Cơ quan mua sắm có nghĩa vụ quy định thời điểm đóng thầu chung cho tất cả nhà thầu quan tâm hoặc nhà thầu tham dự thầu. Thời gian trong đấu thầu và việc gia hạn thời gian trong đấu thầu phải được áp dụng chung cho tất cả nhà thầu quan tâm hoặc nhà thầu tham dự.

Điều 15.15: Xử lý hồ sơ dự thầu và Trao hợp đồng

Xử lý hồ sơ dự thầu

1. Cơ quan mua sắm có nghĩa vụ tiếp nhận, mở và xử lý tất cả hồ sơ dự thầu theo các quy trình đảm bảo công bằng và khách quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu cũng như việc bảo mật hồ sơ dự thầu.
2. Trường hợp cơ quan mua sắm cho phép một nhà thầu sửa các lỗi không cố ý về thể thức của hồ sơ dự thầu trong khoảng thời gian từ thời điểm mở thầu đến thời điểm trao hợp đồng, cơ quan mua sắm cũng phải trao cơ hội đó cho các nhà thầu tham dự thầu còn lại.

Trao hợp đồng

3. Để được xem xét trúng thầu, hồ sơ dự thầu phải được nộp dưới dạng văn bản và, tại thời điểm mở thầu, phải đáp ứng các yêu cầu quan trọng đã nêu trong thông báo mời thầu, hồ sơ mời thầu, nhà thầu phải đáp ứng các điều kiện tham dự thầu.
4. Trừ trường hợp xác định rằng việc trao hợp đồng không phục vụ lợi ích công, cơ quan mua sắm có nghĩa vụ trao hợp đồng cho nhà thầu được đánh giá có đủ năng lực thực hiện hợp đồng và, căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá trong thông báo mời thầu và hồ sơ mời thầu, nhà thầu đó có hồ sơ dự thầu:
 - (a) có ưu thế nhất; hoặc
 - (b) có giá dự thầu thấp nhất, trong trường hợp giá là tiêu chuẩn đánh giá duy nhất.
5. Cơ quan mua sắm không được sử dụng tùy chọn mua thêm, huỷ đấu thầu hoặc sửa đổi hay chấm dứt hợp đồng đã trao nhằm tránh thực hiện các nghĩa vụ của Chương này.

Điều 15.16: Thông tin sau khi trao hợp đồng

Thông tin cung cấp cho nhà thầu

1. Cơ quan mua sắm có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho các nhà thầu đã nộp hồ sơ dự thầu về quyết định trao hợp đồng. Cơ quan mua sắm có thể thông báo bằng văn bản hoặc gửi đăng tải theo quy định tại Khoản 3 Điều này với điều kiện thông báo đó nêu rõ ngày ký quyết định trúng thầu. Trường hợp nhà thầu yêu cầu cung cấp thông báo bằng văn bản thì cơ quan mua sắm có nghĩa vụ thực hiện yêu cầu đó.
2. Theo Điều 15.17 (Công bố thông tin), khi được yêu cầu, cơ quan mua sắm có nghĩa vụ giải thích cho nhà thầu không trúng thầu lý do hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó không được lựa chọn hoặc giải thích những ưu thế tương đối của hồ sơ dự thầu được lựa chọn.

Công bố kết quả lựa chọn nhà thầu

3. Ngay sau khi trao hợp đồng đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh, cơ quan mua sắm có nghĩa vụ đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên báo chí hoặc phương tiện điện tử theo quy định, trong đó bao gồm tối thiểu các thông tin sau:
 - (a) mô tả hàng hoá và dịch vụ cần mua sắm;
 - (b) tên và địa chỉ của cơ quan mua sắm;
 - (c) tên và địa chỉ của nhà thầu trúng thầu;
 - (d) giá trúng thầu;
 - (e) ngày ký quyết định trúng thầu hoặc ngày ký hợp đồng trong trường hợp cơ quan mua sắm đã thông báo cho các nhà thầu về ngày ký quyết định trúng thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều này; và
 - (f) hình thức lựa chọn nhà thầu đã áp dụng và, trong trường hợp áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại Điều 15.10 (Chỉ định thầu), mô tả tóm tắt lý do áp dụng hình thức chỉ định thầu.

Lưu trữ hồ sơ

4. Cơ quan mua sắm có nghĩa vụ lưu trữ tài liệu, hồ sơ và báo cáo liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu và trao hợp đồng đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh trong thời gian ít nhất 3 năm kể từ ngày trao hợp đồng, trong đó bao gồm cả hồ sơ và báo cáo theo quy định tại Khoản 3 Điều 15.10 (Chỉ định thầu).

Điều 15.17: Công bố thông tin

Cung cấp thông tin cho các Nước thành viên

1. Khi nhận được yêu cầu của các Nước thành viên khác, một Nước thành viên có nghĩa vụ kịp thời cung cấp thông tin, ngoại trừ các thông tin mật, đủ để xem xét một gói thầu có được tổ chức lựa chọn nhà thầu một cách công bằng, khách quan và tuân thủ quy định tại Chương này

không, trong đó có thể bao gồm những đặc điểm và ưu thế tương đối của hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu. Nước thành viên tiếp nhận thông tin không được tiết lộ cho bất kỳ nhà thầu nào, trừ trường hợp đã tham vấn và nhận được sự đồng ý của Nước thành viên cung cấp thông tin.

Thông tin không được phép công bố

2. Mặc dù có các quy định khác trong Chương này, một Nước thành viên, bao gồm các cơ quan mua sắm của mình, không được tiết lộ những thông tin gây tổn hại đến lợi ích thương mại hợp pháp của một nhà thầu cụ thể hoặc có thể gây tổn hại đến sự cạnh tranh công bằng giữa các nhà thầu, trừ trường hợp theo yêu cầu của pháp luật hoặc có sự cho phép bằng văn bản của nhà thầu cung cấp thông tin.
3. Chương này không yêu cầu một Nước thành viên, bao gồm các cơ quan mua sắm, cơ quan có thẩm quyền và cơ quan giải quyết kiến nghị của mình, công bố các thông tin mật nếu việc công bố đó:
 - (a) cản trở việc thực thi pháp luật;
 - (b) có thể gây tổn hại đến sự cạnh tranh công bằng giữa các nhà thầu;
 - (c) gây tổn hại đến lợi ích thương mại hợp pháp của các cá nhân hay tổ chức cụ thể, bao gồm cả việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; hoặc
 - (d) trái với lợi ích công.

Điều 15.18: Đảm bảo liêm chính trong đấu thầu

Mỗi Nước thành viên phải đảm bảo có các quy định hình sự hoặc hành chính nhằm giải quyết vấn đề tham nhũng trong mua sắm chính phủ. Những quy định này có thể bao gồm các biện pháp của một Nước thành viên cấm nhà thầu tham gia hoạt động đấu thầu vô thời hạn hay trong một khoảng thời gian nhất định, nếu Nước thành viên đó xác định nhà thầu nêu trên có hành vi gian lận hay các hành vi bất hợp pháp khác về đấu thầu trong phạm vi lãnh thổ của mình. Mỗi Nước thành viên cũng phải đảm bảo có các chính sách và quy trình nhằm cố gắng loại bỏ hoặc quản lý các xung đột lợi ích tiềm năng từ phía đối tượng tham gia hoặc có ảnh hưởng đến một gói thầu.

Điều 15.19: Giải quyết kiến nghị trong nước

1. Mỗi Nước thành viên có nghĩa vụ duy trì, thành lập hoặc chỉ định ít nhất một cơ quan hành chính hoặc tư pháp (cơ quan giải quyết kiến nghị) khách quan, độc lập với các cơ quan mua sắm của Nước thành viên đó nhằm xử lý một cách công bằng, kịp thời, minh bạch và hiệu quả khiếu nại hoặc kiến nghị (gọi chung là “kiến nghị”) của nhà thầu về:

- (a) một hành vi vi phạm quy định của Chương này; hoặc
- (b) việc cơ quan mua sắm của một Nước Thành viên không tuân thủ các quy định do Nước đó ban hành nhằm thực hiện Chương này, trong trường hợp theo luật pháp của Nước thành viên nêu trên, nhà thầu không có quyền khiếu nại trực tiếp về hành vi vi phạm quy định của Chương này,

phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu đối với một gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh mà nhà thầu có hoặc đã có lợi ích. Quy trình giải quyết kiến nghị phải được thể hiện dưới dạng văn bản và được công bố rộng rãi.

2. Trường hợp nhà thầu có kiến nghị về hành vi vi phạm hoặc không tuân thủ như đã nêu tại Khoản 1 Điều này đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh mà nhà thầu có lợi ích, Nước thành viên có cơ quan mua sắm bị kiến nghị nên khuyến khích cơ quan mua sắm và nhà thầu đó tìm kiếm giải pháp thông qua quá trình tham vấn, nếu thấy thích hợp. Cơ quan mua sắm có nghĩa vụ xử lý kiến nghị đó một cách khách quan và kịp thời mà không làm ảnh hưởng đến sự tham dự của nhà thầu trong gói thầu hiện tại hoặc các gói thầu trong tương lai hay ảnh hưởng đến quyền yêu cầu các biện pháp khắc phục theo quy trình giải quyết kiến nghị hành chính hoặc tư pháp. Mỗi Nước thành viên có nghĩa vụ công khai các thông tin về cơ chế giải quyết kiến nghị của mình.
3. Trường hợp cơ quan đầu tiên xem xét kiến nghị của nhà thầu không phải là cơ quan giải quyết kiến nghị, Nước thành viên có nghĩa vụ đảm bảo nhà thầu có thể yêu cầu cơ quan giải quyết kiến nghị độc lập với cơ quan mua sắm xem xét lại quyết định xử lý ban đầu đó.
4. Trường hợp cơ quan giải quyết kiến nghị xác định rằng có hành vi vi phạm hoặc không tuân thủ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, một Nước thành viên có thể giới hạn mức đền bù mất mát hoặc thiệt hại trong chi phí phát sinh hợp lý trong quá trình chuẩn bị hồ sơ dự thầu hoặc chi phí khiếu nại, hoặc cả hai.
5. Trường hợp cơ quan giải quyết kiến nghị không phải là toà án, mỗi Nước thành viên có nghĩa vụ đảm bảo quy trình giải quyết kiến nghị đáp ứng quy định sau:
 - (a) nhà thầu có đủ thời gian để chuẩn bị và nộp kiến nghị bằng văn bản, trong bất kỳ trường hợp nào không được ít hơn 10 ngày kể từ thời điểm nhà thầu biết hoặc đáng lẽ biết về cơ sở của việc kiến nghị;
 - (b) cơ quan mua sắm có nghĩa vụ phản hồi bằng văn bản đối với khiếu nại của nhà thầu và cung cấp tất cả tài liệu liên quan cho cơ quan giải quyết kiến nghị;
 - (c) đảm bảo nhà thầu kiến nghị có cơ hội phản hồi đối với văn bản giải quyết kiến nghị của cơ quan mua sắm trước khi cơ quan giải quyết kiến nghị đưa ra quyết định; và

- (d) cơ quan giải quyết kiến nghị có nghĩa vụ đưa ra quyết định bằng văn bản đối với kiến nghị của nhà thầu một cách kịp thời, trong đó nêu rõ lý do đưa ra quyết định này.
6. Mỗi Nước thành viên có nghĩa vụ thông qua và duy trì các quy định về:
- (a) việc nhanh chóng đưa ra những biện pháp tạm thời, trong khi chờ giải quyết kiến nghị, nhằm bảo vệ cơ hội tham dự thầu của nhà thầu và đảm bảo các cơ quan mua sắm của Nước thành viên đó tuân thủ các quy định thực thi Chương này; và
 - (b) giải pháp khắc phục, trong đó có thể bao gồm việc đền bù như quy định tại Khoản 4 Điều này.

Việc quyết định áp dụng những biện pháp tạm thời hoặc giải pháp khắc phục cần xem xét tới những hậu quả bất lợi nghiêm trọng đối với lợi ích của các bên liên quan, bao gồm cả lợi ích công. Lý do không áp dụng các biện pháp hay giải pháp nêu trên phải được cung cấp bằng văn bản.

Điều 15.20: Sửa đổi và điều chỉnh Phụ lục

1. Một Nước thành viên có nghĩa vụ thông báo về đề xuất sửa đổi hay điều chỉnh (“sửa đổi”) Bản chào của Nước đó tại Phụ lục 15-A bằng việc gửi văn bản thông báo tới các Nước thành viên khác thông qua đầu mối liên lạc theo quy định tại Điều 27.5 (Đầu mối liên lạc). Một Nước thành viên có nghĩa vụ đưa ra biện pháp đền bù cho việc thay đổi phạm vi điều chỉnh, nếu cần thiết, nhằm duy trì mức độ mở cửa như trước khi sửa đổi. Nước thành viên có thể đưa biện pháp đền bù vào trong thông báo đó.
 2. Một Nước thành viên không cần đưa ra biện pháp đền bù cho các Nước thành viên khác nếu đề xuất sửa đổi liên quan tới:
 - (a) một cơ quan mua sắm mà Nước thành viên đó hoàn toàn từ bỏ quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của cơ quan nêu trên; hoặc
 - (b) những điều chỉnh thuần túy về mặt hình thức và những sửa đổi nhỏ trong Bản chào tại Phụ lục 15-A, ví dụ như:
 - (i) thay đổi tên một cơ quan mua sắm;
 - (ii) sáp nhập một hoặc nhiều cơ quan mua sắm trong Bản chào;
 - (iii) chia tách một cơ quan mua sắm trong Bản chào thành hai hoặc nhiều cơ quan mua sắm và đều được đưa vào trong cùng một Phần của Phụ lục; và
 - (iv) thay đổi các trang tin điện tử tham chiếu.
- và không có Nước thành viên nào phản đối như nêu tại Khoản 3 Điều này vì lý do đề xuất sửa đổi đó không liên quan tới Điểm (a) hoặc Điểm (b).

3. Nếu quyền lợi của một Nước thành viên có thể bị ảnh hưởng bởi đề xuất sửa đổi đã được thông báo tại Khoản 1 Điều này, Nước thành viên đó có nghĩa vụ thông báo cho các Nước thành viên khác ý kiến phản đối của mình đối với đề xuất sửa đổi trong vòng 45 ngày kể từ ngày thông báo về việc sửa đổi được lưu chuyển.
4. Trường hợp một Nước thành viên phản đối đề xuất sửa đổi, bao gồm cả sửa đổi liên quan tới một cơ quan mua sắm mà Nhà nước hoàn toàn từ bỏ quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của cơ quan đó, Nước thành viên phản đối có thể yêu cầu bổ sung thông tin, bao gồm cả thông tin về bản chất của việc kiểm soát hoặc ảnh hưởng của Nhà nước, nhằm làm rõ và đạt được sự thống nhất về đề xuất sửa đổi, kể cả việc cơ quan mua sắm vẫn thuộc phạm vi điều chỉnh theo Chương này. Nước thành viên có đề xuất sửa đổi và các Nước thành viên phản đối cần nỗ lực giải quyết bất đồng thông qua tham vấn.
5. Trường hợp Nước thành viên có đề xuất sửa đổi và Nước thành viên phản đối giải quyết được bất đồng thông qua tham vấn, Nước thành viên có đề xuất sửa đổi có nghĩa vụ thông báo cho các Nước thành viên khác về giải pháp giải quyết bất đồng đó.
6. Ủy ban có nghĩa vụ điều chỉnh Phụ lục 15-A để phản ánh những sửa đổi đã được thống nhất.

Điều 15.21: Tạo điều kiện cho sự tham gia của các Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa

1. Các Nước thành viên công nhận đóng góp quan trọng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) trong phát triển kinh tế và tạo công ăn việc làm cũng như tầm quan trọng của việc tạo điều kiện cho SMEs tham gia các gói thầu mua sắm chính phủ.
2. Trường hợp một Nước thành viên duy trì một chính sách ưu đãi cho SMEs, Nước thành viên đó có nghĩa vụ đảm bảo tính minh bạch của chính sách đó, kể cả các tiêu chí được hưởng ưu đãi.
3. Nhằm tạo điều kiện cho SMEs tham gia các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh, trong phạm vi có thể và nếu phù hợp, mỗi Nước thành viên có nghĩa vụ:
 - (a) cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến đấu thầu bao gồm cả định nghĩa về SMEs trên một cổng thông tin điện tử duy nhất;
 - (b) cố gắng cung cấp miễn phí hồ sơ mời thầu;
 - (c) tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng hoặc các công nghệ mới về thông tin và truyền thông; và
 - (d) cân nhắc quy mô, phân chia gói thầu, bao gồm cả việc sử dụng nhà thầu phụ của SMEs.

Điều 15.22: Hợp tác

1. Các Nước thành viên công nhận lợi ích chung trong việc hợp tác thúc đẩy tự do hóa quốc tế thị trường mua sắm chính phủ nhằm tăng cường hiểu biết về hệ thống mua sắm chính phủ của các Nước thành viên và cải thiện khả năng tiếp cận các thị trường đó.
2. Các Nước thành viên nỗ lực hợp tác trong các vấn đề như:
 - (a) tăng cường sự tham gia của nhà thầu, đặc biệt là SMEs, vào các gói thầu mua sắm chính phủ;
 - (b) trao đổi kinh nghiệm và thông tin, như khuôn khổ pháp lý, các thông lệ tốt nhất và số liệu thống kê;
 - (c) xây dựng và đẩy mạnh ứng dụng phương tiện điện tử trong mua sắm chính phủ;
 - (d) tăng cường năng lực cho cán bộ nhà nước về các thông lệ tốt nhất trong mua sắm chính phủ;
 - (e) tăng cường thể chế nhằm thực thi các quy định trong Chương này; và
 - (f) nâng cao khả năng cung cấp các cơ hội tiếp cận thị trường mua sắm chính phủ bằng nhiều ngôn ngữ.

Điều 15.23: Ủy ban về Mua sắm Chính phủ

Các Nước thành viên quyết định thành lập Ủy ban về Mua sắm Chính phủ (Ủy ban), bao gồm đại diện chính phủ của mỗi Nước thành viên. Theo yêu cầu của một Nước thành viên, Ủy ban có trách nhiệm họp bàn giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực thi Chương này, ví dụ như:

- (a) sự hợp tác giữa các Nước thành viên theo quy định tại Điều 15.22 (Hợp tác);
- (b) việc tăng cường sự tham gia của SMEs vào các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh, theo quy định tại Điều 15.21 (Tăng cường sự tham gia của các Doanh nghiệp nhỏ và vừa);
- (c) việc áp dụng các biện pháp trong thời kỳ chuyển đổi; và
- (d) cân nhắc về việc đàm phán trong tương lai theo quy định tại Điều 15.24 (Đàm phán trong tương lai).

Điều 15.24: Đàm phán trong tương lai

1. Ủy ban có trách nhiệm rà soát Chương này và có thể quyết định tổ chức đàm phán trong tương lai nhằm:

- (a) tăng cường tiếp cận thị trường thông qua việc mở rộng danh sách cơ quan mua sắm và giảm các trường hợp loại trừ và ngoại lệ được nêu tại Phụ lục 15-A;
 - (b) xem xét lại các ngưỡng mở cửa được nêu trong Phụ lục 15-A;
 - (c) xem xét lại Công thức Điều chỉnh Ngưỡng mở cửa trong Phần H của Phụ lục 15-A; và
 - (d) giảm và loại bỏ các quy định mang tính phân biệt đối xử.
2. Các nước thành viên có nghĩa vụ bắt đầu đàm phán nhằm mở rộng phạm vi điều chỉnh, bao gồm cả ở cấp địa phương¹. Các Nước thành viên cũng có thể quyết định đưa hoạt động mua sắm chính phủ ở cấp địa phương vào phạm vi điều chỉnh trước hoặc sau thời điểm bắt đầu quá trình đàm phán đó.

¹ Đối với những Nước thành viên có các hoạt động mua sắm chính phủ do cơ quan cấp trung ương thực hiện trong khi ở các Nước thành viên khác do cơ quan cấp địa phương thực hiện, quá trình đàm phán trong tương lai có thể liên quan tới cam kết ở cấp trung ương hơn là ở cấp địa phương. Đàm phán trong tương lai được tiến hành không sớm hơn năm năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, trừ khi các Bên thống nhất khác. Các đàm phán đó được tiến hành theo yêu cầu của một Bên.